TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **08**/2018/HNGĐ - ST
Ngày 18/7/2018
"V/v: *Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lục Thị Chiêm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Tiếu
2. Bà Triệu Thị Yên

Thư ký Toà án: Ông Dương Văn Tiến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Kim – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2018/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018 về việc: xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị H, sinh năm 1982 *(có mặt)*

- *Bị đơn:* Anh Hà Đức T, sinh năm 1981 *(vắng mặt, không có lý do)*.

Cùng trú tại: Thôn GC, xã NL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2018, nội dung bản tự khai và tại phiên hòa giải lập ngày 11/5/2018, nguyên đơn Triệu Thị H trình bày:

Chị Triệu Thị H và anh Hà Đức T hai bên tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn năm 2000 tại UBND xã QQ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chị H và anh T chung sống tại Thôn GC, xã NL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp, anh T hay mượn cớ uống rượu về và gây sự dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, mâu thuẫn trở nên trầm trọng cụ thể vào ngày 30 tết âm lịch năm 2017, anh T đóng cửa nhà vào đánh đập chị H, dẫn tới vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không thể duy trì được bởi mâu thuẫn đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Đức T để giải phóng cuộc sống chung cho nhau.

- Về con chung: Có 01 con chung là Hà Thị H, sinh ngày 12/7/2001, hiện cháu H đã đi lấy chồng và ra ở riêng nên không đề nghị giải quyết về quyền nuôi con cũng như về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Tại nội dung biên bản ghi lời khai, anh T xác nhận về tình trạng hôn nhân, thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị H đã nêu trên. Tuy nhiên, anh xác định vào đêm 30 tết âm lịch năm 2017, vợ chồng xảy ra xô xát, cãi vã là mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân do vợ chồng nghi ngờ nhau, chị H đi làm xa nhà dẫn tới vợ chồng không có thời gian gần gũi và hiểu nhau, anh T khi uống rượu say đã không kìm chế được bản thân nên đã nhiều lần xẩy ra xô sát đánh chị H, anh thấy sai và xin lỗi chị H nhưng chị H không chấp nhận. Tại phiên hòa giải lần 01 ngày 11/5/2018, nguyên đơn chị Triệu Thị H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn, bị đơn anh Hà Đức T có quan điểm: Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn còn yêu thương vợ con nên không nhất trí ly hôn, đề nghị được đoàn tụ. Về con chung: anh chị cùng xác nhận có 01 con chung là Hà Thị H, sinh ngày 12/7/2001, hiện cháu H đã đi lấy chồng và ra ở riêng nên không đề nghị giải quyết về quyền nuôi con cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Tòa án mở phiên hòa giải lần 02 vào ngày 22/5/2018, nguyên đơn chị H có mặt, bị đơn anh T vắng mặt không có lý do nên việc hòa giải lần 02 của Tòa án không tiến hành được.

Tại phiên tòa, chị H có mặt và giữ nguyên nội dung đề nghị Tòa án giải quyết như đã nêu trên. Anh T vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào gửi tới Tòa án thể hiện quan điểm khác với nội dung đã trình bày trước đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quy định về nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung vụ án: Đề nghị Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; các Điều 143, 144, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân đề nghị: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Triệu Thị H, xử cho chị Triệu Thị H được ly hôn anh Hà Đức T; về con chung: Do con đã đi lấy chồng và đã tách hộ khẩu ra ở riêng nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đề cập. Về nợ chung: không có. Về án phí: Chị Triệu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị H có mặt, bị đơn anh Hà Đức T vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa lần 01 và Quyết định hoãn phiên tòa + Giấy triệu tập phiên tòa lần 02. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị H và anh Hà Đức T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quý Quân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo Đăng ký kết hôn số 05 cấp ngày 12/10/2000. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ sau khi kết hôn được khoảng 04 năm, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, cuộc sống chung hàng ngày thường xảy ra cãi chửi nhau, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn cụ thể vào ngày 30 tết âm lịch năm 2017 anh T có hành vi đóng cửa nhà vào đánh đập chị H. Qua điều tra xác minh, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chịH và anh T là thực tế, tại biên bản xác minh ngày 01/6/2018 (BL số 28) thấy rằng chị H và anh T đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay và kể từ khi ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm yêu thương chăm sóc đối với nhau. Như vậy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chịH và anh T thực sự đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh T không nhất trí ly hôn không xuất phát từ tình cảm yêu thương và vun đắp hạnh phúc chung của gia đình mà chỉ nhằm ràng buộc đối với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử cần căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh T. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giữa vợ chồng chị H và anh T có 01 con chung làHà Thị H, sinh ngày 12/7/2001, hiện cháu H đã đi lấy chồng và ra ở riêng nên chị H và anh T cùng xác nhận không đề nghị Tòa án giải quyết về quyền nuôi con cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tuy cháu H chưa đủ 18 tuổi nhưng đã đi lấy chồng, nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

- Về nợ chung: không có, HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; các Điều 143, 144, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Triệu Thị H. Cho chị Triệu Thị H được ly hôn với anh Hà Đức T. Bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh Hà Đức T. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Triệu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng).* Chị H đã nộp 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0005459 ngày 08/3/2018 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/7/2018); Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND Tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã QQ;
H. Yên Sơn, T. TQ (Nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lục Thị Chiêm